

Việc học hành rất cực khổ nhưng để đạt được ước mơ tôi đã chăm chỉ học mỗi ngày.

제 어머니와 아버지도 저를 자랑(스러워)했습니다.

Bà mẹ tôi cũng đã rất tự hào về tôi.

제 어머니께서는 저에게 Áo dài (를)사 주셨습니다.

Mẹ tôi đã mua tặng cho tôi Áo dài.

저는 정말 마음에 들었습니다.

Tôi thực sự đã rất thích.

21 살 때 저는 전문 대학을 졸업(졸업)한 후에 취직했습니다.

21 tuổi sau khi tốt nghiệp trường cao đẳng thì tôi đã đi làm.

그때 다닌 회사는 좋은 회사입니다.

Công ty đi làm lúc đó cũng là một công ty tốt.

그리고 저는 그 회사에(서)는 일 한 지 7년 (이나)동안 됐지만 아무것도 특별한 상공이(성과도) 없었습니다.

Và tôi đã đi làm ở công ty đó trong suốt 7 năm nhưng không có thành công gì đặc biệt.

날마다 반복하는 일은 지루한 것을 느꼈습니다.(지루했습니다.)

Tôi cảm thấy công việc nhàm chán lặp lại mỗi ngày.

그래서 저는 한국어를 공부하기로 했습니다.

Vì vậy tôi đã quyết định học tiếng Hàn

10년 전에 전문 대학에서 한국어를 공부하게 됐습니다.

10 năm trước tôi đã được học tiếng Hàn trong trường cao đẳng rồi.

하지만 1 학기만 배웠습니다.
 Nhưng mà chỉ học 1 học kỳ thôi.
 그때 저는 한국어를 잘 공부하고 좋은 점수도 받았습니다.
 Lúc đó tôi đã học tiếng Hàn giỏi và cũng nhận được điểm tốt nữa.
 그렇지만 한국어를 계속 공부하지 않고 그냥 졸업(졸업)하고 취직했습니다.
 Thế nhưng tôi đã không tiếp tục học tiếng Hàn nữa , cứ thế tốt nghiệp và đi làm.
 한국어를 끝까지 추구(공부)했으면 이제는(지금) 좋은 기회가 많이 있을 것 같았습니다.
 Nếu như theo đuổi tiếng Hàn đến cùng thì bây giờ chắc đã có nhiều cơ hội tốt.
 현재 저는 30 세 이상 됐는데 다시 한국어를 공부하기 시작합니다
 Hiện tại tôi đã hơn 30 tuổi rồi lại bắt đầu việc học tiếng Hàn.
 열심히 공부하도록 하겠습니다.
 Tôi sẽ cố gắng học hành chăm chỉ.
 한국어를 빨리 잘 하면 좋겠습니다.
 Ước gì nhanh chóng giỏi tiếng Hàn thì tốt biết mấy.

결론

제가 발표하는 내용은 여기까지 마무리하겠습니다. 경청해주셔서 감사합니다.

좋은점

극복해야 하는 점

점수

유창한가?

19/20

(사전준비 정도 및 자신감, 자연스러운지 같이 평가)		
발음/억양이 정확한가?		19/20
문법이 정확한가?		18/20
내용 (발표 내용 길이, 다양한단어사용여 부 같이 평가)		18/20
총점		74/80